

BIỂU PHÍ TÍN DỤNG
Áp dụng với Khách hàng Doanh nghiệp

- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 20-09-2023

1. Mức phí áp dụng đối với Phân khúc Khách hàng Doanh nghiệp (SME, M-SME, SSE):

STT	MỤC PHÍ	MỨC PHÍ
1	PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN	
1.1	Khoản vay ngắn hạn – có thời hạn vay tối đa 01 năm (bao gồm cả khoản vay theo Hạn mức tín dụng)	
1.1.1	Thời hạn vay thực tế \geq 50% thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	Miễn phí
1.1.2	Thời hạn vay thực tế < 50% thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	$(0,5\% * \text{số tiền trả nợ trước hạn} * \text{số ngày trả nợ trước hạn}) / 365$ Tối thiểu (TT): 200.000 VND Tối đa (TĐ): Thỏa thuận
1.2	Khoản vay trung, dài hạn – có thời hạn vay trên 01 năm	
1.2.1	Khoản vay trung, dài hạn	$2\% * \text{Số tiền trả nợ trước hạn}$ TT: 500.000 VND TĐ: Thỏa thuận
2	PHÍ THU XẾP CHO VAY HỢP VỐN (ĐỒNG TÀI TRỢ)	
2.1	Phí thu xếp cho vay hợp vốn (đồng tài trợ)	$\text{Phí} = x\% * \text{Tổng số tiền thu xếp}$, với $0,1\% \leq x\% \leq 2\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/Phó TGD NHCD hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng
3	PHÍ TRẢ CHO HẠN MỨC TÍN DỤNG DỰ PHÒNG	
3.1	Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng ¹	$\text{Phí} = x\% * \text{Hạn mức cho vay dự phòng được cấp}$, với $0\% \leq x\% \leq 5\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/ Phó TGD NHCD hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng

4	PHÍ CAM KẾT RÚT VỐN	
4.1	Phí cam kết rút vốn	<p><i>Phí = x% * Số tiền cam kết rút vốn, (với $0\% \leq x\% \leq 5\%$ hoặc theo tỷ khác được thỏa thuận cụ thể giữa Khách hàng và MSB)/Xác định theo giá trị cụ thể khác thỏa thuận giữa Khách hàng và MSB.</i></p> <p>Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/ Phó TGD NHCD hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng;</p> <p>Số tiền cam kết rút vốn tính bằng hạn mức cho vay/số tiền cho vay/số tiền cam kết rút vốn cụ thể khác nếu các bên có thỏa thuận khác.</p>

2. Mức phí áp dụng đối với Khách hàng doanh nghiệp lớn (LC), khách hàng thuộc Khối Khách hàng Chiến lược:

STT	MỤC PHÍ	MỨC PHÍ
1	PHÍ TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN	
1.1	Phí trả nợ trước hạn đối với Khoản vay ngắn hạn – thời hạn vay tối đa 01 năm (bao gồm cả khoản vay theo Hạn mức tín dụng)	
1.1.1	Thời hạn vay thực tế $\geq 50\%$ thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	Miễn phí
1.1.2	Thời hạn vay thực tế $< 50\%$ thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	
a	Khoản vay có kỳ hạn < 6 tháng	$(0.2\% * \text{Số tiền trả nợ trước hạn}) / 365$ ngày TT: 200.000 VND TĐ: Thỏa thuận
b	Khoản vay có kỳ hạn ≥ 6 tháng	$(0.5\% * \text{Số tiền trả nợ trước hạn}) / 365$ ngày TT: 200.000 VND TĐ: Thỏa thuận
1.2	Khoản vay trung, dài hạn - có thời hạn vay trên 01 năm	
	Thời hạn vay thực tế $\geq 70\%$ thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	Miễn phí

	Thời hạn vay thực tế < 70% thời hạn vay của kế ước nhận nợ (giấy nhận nợ)	(1% * Số tiền trả nợ trước hạn * Số ngày trả nợ trước hạn)/365 ngày TT: 500.000 VND TĐ: Thỏa thuận
2	PHÍ THU XẾP CHO VAY HỢP VỐN (ĐỒNG TÀI TRỢ)	
2.1	Phí thu xếp cho vay hợp vốn (đồng tài trợ)	$Phí = x\% * Tổng\ số\ tiền\ thu\ xếp,$ với $0,1\% \leq x\% \leq 2\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/Giám đốc Khối KHCL hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng
3	PHÍ TRẢ CHO HẠN MỨC TÍN DỤNG DỰ PHÒNG	
3.1	Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng ²	$Phí = x\% * Hạn\ mức\ cho\ vay\ dự\ phòng\ được\ cấp,$ với $0\% \leq x\% \leq 5\%$ Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/Giám đốc Khối KHCL hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng
4	PHÍ CAM KẾT RÚT VỐN	
4.1	Phí cam kết rút vốn	$Phí = x\% * Số\ tiền\ cam\ kết\ rút\ vốn,$ (với $0\% \leq x\% \leq 5\%$ hoặc theo tỷ khác được thỏa thuận cụ thể giữa Khách hàng và MSB)/Xác định theo giá trị cụ thể khác thỏa thuận giữa Khách hàng và MSB. Trong đó “x” là tỷ lệ tính phí. Tỷ lệ tính phí do TGD MSB/TGD NHCD/Giám đốc Khối KHCL hoặc cấp phê duyệt tín dụng quyết định trên cơ sở thỏa thuận với Khách hàng; Số tiền cam kết rút vốn tính bằng hạn mức cho vay/số tiền cho vay/số tiền cam kết rút vốn cụ thể khác nếu các bên có thỏa thuận khác.

Ghi chú:

- Các loại phí liên quan đến khoản vay phải được xác định và quy định rõ mức phí áp dụng trong hợp đồng/ phụ lục hợp đồng tín dụng. Trường hợp không quy định cụ thể cách tính phí và mức phí trong Hợp đồng/ phụ lục hợp đồng tín dụng, thì áp dụng các loại phí và mức phí theo quy định của MSB tại thời điểm giải ngân tương ứng.